**BẢNG MÔ TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ  2**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | ***Tổng Số CH*** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại trong 1.5 phút  (khoảng 80 – 100 từ) để chọn câu đúng sai có liên quan đến chủ đề: Television, Sports and games, Cities of the world. | **Nhận biết:**- Nghe lấy thông tin chi tiết về một trong các chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để chọn câu đúng sai. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**- Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| 2. Nghe một đoạn văn 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) để điền từ thích hợp vào chỗ trống liên quan đến chủ đề: Television, Sports and games, Cities of the world.  | **Nhận biết:**- Nghe lấy thông tin chi tiết. |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Thông hiểu:**- Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại để điền từ thích hợp vào chỗ trống. |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |
| **Vận dụng:**- Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **Pronunciation**Nguyên âm đơn /e/, phụ âm /θ/.Trọng âm của từ có 2 âm tiết. | **Nhận biết:**Nhận biết các âm và trọng âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**- Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**- Hiểu và vận dụng vào bài nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vocabulary**Từ vựng đã học liên quan đến các chủ đề: Television, Sports and games, Cities of the world. .  | **Nhận biết:**-Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng  theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học. - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**- Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  | 3 |  |  |  | 3 |  |
| **Grammar**Các chủ điểm ngữ pháp đã học: connectives, imperatives, verb form/ tense, possessive adjectives, possessive pronouns. | **Nhận biết:**- Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:** - Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
|  |  | **Vận dụng:**- Hiểu và vận dụng các kiến ngữ pháp đã học vào bài nghe, đọc, viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **READING** | **1. Cloze test**Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học: Television, Sports and games, Cities of the world.  | **Nhận biết:**- Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**- Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**- Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension**Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, xoay quanh các chủ đề: Television, Sports and games, Cities of the world. (tiêu đề, từ quy chiếu, từ đồng nghĩa, 1 thông tin chi tiết có trong bài) | **Nhận biết:**- Thông tin chi tiết. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**- Hiểu ý chính của bài đọc.  |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**- Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.- Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **IV.** | **WRITING** | **Error identification**Xác định lỗi sai: Tenses, connectives. | **Nhận biết:**- Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu. |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |
| **Sentence transformation**Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước liên quan đến các kiến thức: Connectives, Possessive pronouns, Suggestions. | **Thông hiểu:**- Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **Vận dụng:**- Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.  |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| **Sentence Building**Sử dụng từ/ cụm từ gợi ý để viết câu liên quan đến kiến thức: simple present, simple past, verb forms. | **Vận dụng cao:**- Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để viết thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 | 4 |
| ***Tổng*** |  |  | ***18******23*** | 2 | ***14******16*** | ***4******3*** | ***5******9*** | ***2-******3*** |  | **4-6** | **31****(48)** | **15 (12)** |